

# Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trước những vận động của cấu trúc khu vực<sup>(\*)</sup>

Hoàng Khắc Nam<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Mọi mối quan hệ quốc tế trong thời hiện đại đều chịu tác động từ cấu trúc của hệ thống quốc tế. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản cũng vậy. Bài viết cung cấp cơ sở lý luận về cấu trúc trong quan hệ quốc tế, phân tích và làm rõ thực trạng vận động của cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện nay. Từ đó chỉ ra những tác động cả tích cực lẫn tiêu cực từ cấu trúc đó tới quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, góp phần cung cấp thêm một cách nhìn từ góc độ cấu trúc tới quan hệ hai nước.

**Từ khóa:** Quan hệ quốc tế, Cấu trúc, Nhật Bản, Việt Nam

**Abstract:** All international relations in modern times are affected by the structure of the international system. So is Vietnam - Japan relations. The article provides a theoretical basis for the structure of international relations, analyzing to bring a clear view of the current status of the Asia-Pacific regional structure. Thereby, it points out the effects, both positive and negative, of that structure to Vietnam - Japan relations, contributing to providing an additional perspective from a structural perspective to relations between the two countries.

**Keywords:** International Relations, Structure, Japan, Vietnam

## Mở đầu

Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đã có một quá trình hợp tác hữu nghị và thân thiện không phải là ngắn, trên một nền tảng không phải là yếu. Điều này được chứng tỏ qua hàng chục năm với sự phát triển cả về lượng và chất trên nhiều lĩnh vực, đó là: hợp tác về an ninh - chính trị với sự chia

sẻ nhiều quan điểm; sự hợp tác kinh tế sâu rộng và chất lượng với vai trò của Nhật Bản là nhà đầu tư và cung cấp ODA hàng đầu cho Việt Nam; sự gia tăng hợp tác văn hóa - xã hội liên tục và sâu rộng; sự tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ nhà nước - nhà nước và sự thiện cảm khá lớn trong quan hệ nhân dân - nhân dân (Xem: Hoàng Khắc Nam, 2014: 345-358). Tất cả những chiều hướng này vẫn đang tiếp tục và có khả năng phát triển lâu dài trong tương lai. Chính quá trình và nền tảng này đã giúp quan hệ Nhật Bản - Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, phức tạp của thời cuộc.

<sup>(\*)</sup> Bài viết thuộc khuôn khổ Đề tài cấp Nhà nước “Cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2025 và chính sách của Việt Nam”, mã số KX.01.12/16-20.

<sup>(\*\*)</sup> GS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: hknam84@yahoo.com

Tuy nhiên, mọi mối quan hệ đều chịu tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài. Một trong hai nhóm yếu tố đó thay đổi đều có thể ảnh hưởng đến chiều hướng, quy mô và mức độ phát triển quan hệ. Thực tế lịch sử cho thấy, không có mối quan hệ nào có thể phát triển ổn định và liên tục bởi sự thay đổi thường xuyên của các nhân tố này. Trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, có thể thấy các nhân tố bên trong là tương đối ổn định. Sự ổn định này được quy định bởi lợi ích và nhận thức của hai bên được củng cố qua một thời gian dài, bởi nền tảng kinh tế, chính trị, xã hội trong nước tương đối bền vững. Trong khi đó, các nhân tố bên ngoài lại không mấy ổn định, đặc biệt trên cấp độ khu vực. So với các khu vực khác trên thế giới, hiện nay Đông Á là khu vực diễn biến phức tạp và khó lường. Tình hình khu vực bất ổn và nhiều khả năng biến động sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến diễn tiến của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong thời gian tới.

Trong số các nhân tố bên ngoài, cấu trúc có khả năng tác động nhiều nhất đến quan hệ quốc tế (QHQT), nhất là khi hệ thống quốc tế đã rất phát triển trong thời hiện đại. Khu vực là môi trường trực tiếp chi phối nhiều nhất đến quan hệ giữa các quốc gia trong bối cảnh khu vực hóa. Nhật Bản và Việt Nam là hai quốc gia trong cùng khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cả hai đều tham gia và ngày càng gắn chặt vào hệ thống khu vực. Bởi thế, quan hệ Việt Nam - Nhật Bản không thể không chịu tác động từ cấu trúc khu vực. Và do đó, những vận động của cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện nay sẽ là một trong những nguồn ảnh hưởng nhiều đến mối quan hệ hai nước.

### **1. Khái quát về cấu trúc trong quan hệ quốc tế**

Trong nghiên cứu cấu trúc nói chung cũng như trong nghiên cứu QHQT nói

riêng, có nhiều cách hiểu và khái niệm khác nhau về cấu trúc. Đồng thời, cũng có nhiều quan niệm khác nhau về vai trò của cấu trúc, tức là mối quan hệ giữa cấu trúc với đơn vị/phần tử. Trong bài viết, cấu trúc được hiểu là nơi các phần tử trong hệ thống cùng có quan hệ, là tổng hợp các quy định của sự tồn tại hệ thống đối với phần tử của nó, từ đó nó đóng vai trò như phương thức tổ chức các phần tử trong hệ thống (Xem: Hoàng Khắc Nam, 2009: 3-13). Nói cách khác, cấu trúc ở đây là “sự sắp xếp” của các bộ phận trong hệ thống.

Theo đó, cấu trúc của hệ thống quốc tế được phản ánh qua ba phương diện chính. *Thứ nhất*, đó là các mẫu hình quan hệ chung tương đối vững bền và phổ biến trong hệ thống. Các mẫu hình quan hệ chung giúp kết nối giữa các phần tử để hình thành nên hệ thống. Đồng thời, chúng cũng tạo ra tác động tới các đơn vị trong hệ thống. Hành vi và tương tác của các đơn vị sẽ thuận lợi hơn nếu phù hợp với mẫu hình chung và ngược lại. Đây chính là nơi các phần tử trong hệ thống cùng có quan hệ. *Thứ hai*, cấu trúc này còn được phản ánh qua sự tồn tại của các luật lệ bao gồm những điều luật quốc tế có hiệu lực, các chuẩn mực và giá trị phổ quát hay quan niệm chung... Luật lệ ở đây chính là tổng hợp các quy định của sự tồn tại hệ thống đối với phần tử của nó. Các luật lệ này góp phần điều chỉnh hành vi ứng xử và sự tương tác của chủ thể QHQT trong hệ thống quốc tế. *Thứ ba*, đó là sự phân bố quyền lực giữa các quốc gia trong hệ thống quốc tế. Trong đó các cực, các cường quốc hay các liên minh ở tầng trên có những ưu thế và khả năng nhất định để tổ chức vận hành hệ thống quốc tế cũng như chi phối QHQT. Điều này giúp cho cấu trúc có được vai trò như phương thức tổ chức hệ thống. Cả ba phương diện này của cấu trúc đều có

vai trò trong sự sắp xếp các bộ phận hay đơn vị của hệ thống khi mẫu hình quan hệ chung tạo sự kết nối, luật lệ điều chỉnh quan hệ giữa cấu trúc - đơn vị và đơn vị - đơn vị, còn sự phân bố năng lực đem lại khả năng tổ chức và vận hành trong hệ thống.

Trong ba phương diện trên, sự phân bố quyền lực đóng vai trò quan trọng nhất trong cấu trúc và có ảnh hưởng lớn nhất đến QHQT. Vai trò này được quy định bởi ít nhất hai điểm. *Một là* khả năng chi phối của quyền lực đối với hai phương diện kia là mẫu hình quan hệ chung và luật lệ. Các mẫu hình chung có thể được hình thành từ nhiều nguồn nhưng sẽ khó tồn tại trong hệ thống nếu không phù hợp với lợi ích của các trung tâm quyền lực lớn, không được các thế lực này ủng hộ. Sự vi phạm các mẫu hình này dễ gặp phản ứng bất thuận từ các nước lớn. Tương tự, luật lệ thường nằm trong tay kẻ mạnh vì quốc gia có quyền lực lớn hơn có thể tạo ra luật chơi và buộc các nước có quyền lực yếu hơn tuân thủ. Đó là chưa kể đến vai trò của các quyền lực lớn trong việc kết nối các quốc gia khác vào hệ thống - cấu trúc. Thực tế lịch sử cho thấy, các nước lớn dùng sức mạnh để lôi cuốn hoặc cưỡng bức các nước nhỏ hơn tham gia vào hệ thống quốc tế và mẫu hình quan hệ chung nhiều hơn là quá trình ngược lại. Đối với luật lệ quốc tế, các nước lớn thường có vai trò đảm bảo thực thi luật lệ quốc tế khi hệ thống quốc tế là vô chính phủ và không có cơ chế chế tài trong luật pháp quốc tế. *Hai là* khả năng tác động và làm thay đổi toàn bộ hệ thống - cấu trúc của sự phân bố quyền lực. Điều này đã được phản ánh trong quan điểm của Kenneth Waltz và Chủ nghĩa Hiện thực Mới. Theo đó, biến số chính có thể làm thay đổi QHQT chính là sự phân bố năng

lực giữa các quốc gia trong hệ thống<sup>(\*)</sup>. Kenneth Waltz nhấn mạnh: “Nguyên tắc trật tự có thể không thay đổi nhưng cấu trúc của hệ thống vẫn có thể khác nhau do sự thay đổi phân bố năng lực giữa các quốc gia” (Waltz, 1979: 129). Sự thay đổi phân bố này sẽ là sự thay đổi hệ thống dù là hệ thống vô chính phủ hay thứ bậc (Waltz, 1979: 101). Vì thế, sự phân bố năng lực đóng vai trò chính và được coi như hiện thân và là nội dung chủ yếu của cấu trúc trong hệ thống quốc tế.

Kenneth Waltz đề cập đến sự phân bố năng lực của các quốc gia nhưng theo chúng tôi, có lẽ sẽ đầy đủ hơn khi coi đó là sự phân bố quyền lực vì hai lẽ: Các năng lực là nguồn của quyền lực và sẽ chuyển hóa thành quyền lực của quốc gia trong QHQT; năng lực không đưa vào thực thi trong QHQT dưới dạng quyền lực quốc gia thì sẽ không có tác dụng nhiều đối với cấu trúc. Cho nên, ở đây, thuật ngữ “sự phân bố quyền lực” sẽ được sử dụng thay thế cho “sự phân bố năng lực”.

Cho dù quan điểm trên còn có tranh cãi, nhưng theo chúng tôi điều này có sự phù hợp đáng kể với tình hình châu Á - Thái Bình Dương hiện nay bởi quyền lực vừa là

(\*) Theo Kenneth Waltz, sự sắp xếp các bộ phận trong hệ thống để tạo ra cấu trúc được thực hiện trên ba điểm: Nguyên tắc trật tự, các chức năng đặc thù và sự phân bố các năng lực. Sự thay đổi của ba điểm này đều có thể dẫn đến sự thay đổi của cấu trúc. Tuy nhiên, dưới cách nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực Mới, thế giới luôn ở tình trạng vô chính phủ nên nguyên tắc vô chính phủ sẽ không thay đổi. Tương tự, các quốc gia (là chủ thể QHQT và đơn vị của cấu trúc quốc tế) có lợi ích cơ bản tương đối giống nhau và xuyên suốt khi đều tập trung vào an ninh và quyền lực. Vì thế, chức năng của quốc gia và rộng hơn là chức năng của hệ thống cơ bản cũng không thay đổi. Chỉ có sự phân bố quyền lực là thay đổi và từ đó làm thay đổi cấu trúc của hệ thống quốc tế (Waltz, 1979).

mục đích, vừa là phương tiện nổi trội trong QHQT khu vực, tư duy Chủ nghĩa hiện thực vẫn nằm trong chính sách đối ngoại của phần lớn quốc gia trong vùng. Bối cảnh khách quan và chủ quan như vậy đem lại sự thích hợp cho cách tiếp cận cấu trúc của Chủ nghĩa Hiện thực Mới đối với QHQT khu vực.

Với ý nghĩa và vai trò kể trên, cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương chắc chắn có nhiều tác động đến QHQT khu vực nói chung và quan hệ Việt Nam - Nhật Bản nói riêng. Sự vận động trong phân bố quyền lực khu vực sẽ là nhân tố cấu trúc quan trọng nhất có tác động lên quan hệ Việt Nam - Nhật Bản.

## **2. Sự vận động trong phân bố quyền lực khu vực hiện nay**

Sự vận động lớn nhất trong cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương những năm qua chính là những biến động trong phân bố quyền lực giữa các cường quốc. Điều này dẫn đến tình trạng cấu trúc khu vực chưa được định hình rõ ràng và còn chứa đựng nhiều khả năng thay đổi. Tình trạng không rõ ràng này được phản ánh đậm nét qua sự đua tranh quyền lực giữa tất cả các nước lớn trong khu vực và liên quan. Sau “khoảnh khắc đơn cực” với ưu thế vượt trội gần như tuyệt đối của Mỹ, bước sang thế kỷ XXI, các cường quốc bắt đầu công khai và mạnh mẽ hơn trong việc gia tăng sức mạnh, chạy đua vũ trang, lôi kéo liên minh, mở rộng ảnh hưởng kinh tế và thúc đẩy sức mạnh mềm ở châu Á - Thái Bình Dương. Trong khi đó, các nước nhỏ hơn luôn bị dao động ở giữa, do đó cũng phải chạy đua vũ trang và đi tìm vị thế cho mình thông qua các thể chế khu vực. Cho đến nay, cuộc đua tranh này vẫn diễn ra với xu hướng tăng lên khiến cho sự phân bố quyền lực không ổn định, trật tự quyền lực khu vực vẫn chưa đi đến kết cục xác định.

Ở châu Á - Thái Bình Dương hiện nay, các nước lớn, hoặc ngầm ngầm hoặc công khai, đều theo đuổi những phương án riêng về trật tự khu vực có lợi cho mình nhưng lại không phù hợp với lợi ích của cường quốc khác. Các thể chế khu vực như ASEAN cũng có những mong muốn riêng. Chính sự đua tranh quyền lực của nhiều nước lớn và thể chế khu vực đã làm QHQT đi theo các hướng khác nhau, góp phần làm cho sự phân bố quyền lực ở đây càng phức tạp và khó xác định hơn.

Một điểm nữa cũng khiến sự đua tranh ở đây trở nên căng thẳng và gây nhiều xung đột hơn bởi sự chênh lệch quyền lực không quá lớn giữa những “kẻ cạnh tranh”. Hiện nay, Mỹ có sức mạnh toàn diện và vượt trội so với các cường quốc còn lại nhưng do phải phân tán sức lực trên phạm vi toàn cầu nên Mỹ không thể tập trung toàn bộ sức mạnh trong khu vực. Vì thế, nguồn lực của Mỹ có thể sử dụng trong khu vực không hơn hẳn các cường quốc khác. Các cường quốc khác cũng đều có sức mạnh thiếu toàn diện, tức là có điểm mạnh, điểm yếu. Trung Quốc có sức mạnh kinh tế lớn, vượt Nhật Bản về lượng nhưng lại thua kém về chất. Nga mạnh về quân sự nhưng hạn chế về kinh tế và vẫn khó có ảnh hưởng lớn ở khu vực. Ấn Độ tuy có sự trỗi dậy và muốn can dự vào khu vực với chính sách hướng Đông nhưng sức mạnh cũng còn hạn chế. Đối với ASEAN, kinh tế - chính trị đều hạn chế và chủ yếu dựa vào quyền lực xã hội,... Dựa trên điểm mạnh và điểm yếu, các nước đều tính toán để có cơ hội nâng cao vị thế của mình trong phân bố quyền lực khu vực. Vì thế, sự đua tranh quyền lực ở khu vực ngày càng tăng lên và phức tạp hơn còn vì cả nguyên nhân này.

Theo cách nhìn của Chủ nghĩa Tự do Mới, sự phát triển các thể chế khu vực minh chứng cho xu hướng hợp tác tăng lên

nhưng sự đa dạng và chồng chéo của chúng cũng cho thấy tình trạng đua tranh quyền lực phức tạp ở khu vực. Các cường quốc tham gia vào thể chế khu vực tuy có những toan tính khác nhau nhưng đều giống nhau ở chỗ coi đây là nơi tập hợp lực lượng. Điều này khiến cho các thể chế hoạt động không chỉ nhằm hợp tác mà còn vì cạnh tranh. Ở châu Á - Thái Bình Dương, đến nay vẫn chưa có một thể chế chung nào có khả năng điều phối QHQT khu vực như kiểu liên minh châu Phi (AU) ở châu Phi hay liên minh châu Âu (EU) ở châu Âu. Quan hệ đa phương có tăng lên nhưng quan hệ song phương vẫn mang tính quyết định. Các thể chế đa phương đa phần là ít hiệu quả. Nhiều thể chế không có sự tham gia đầy đủ của các nước, mà nếu có cũng hoạt động một cách hình thức và bó hẹp nhiều hơn là thực chất. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) là một ví dụ. ARF được thành lập từ năm 1994, quy tụ đầy đủ các nước liên quan trong khu vực nhưng cho đến nay vẫn không đem lại nhiều kết quả có ý nghĩa đối với khu vực. Hoạt động của tổ chức này hướng tới các vấn đề an ninh của Đông Nam Á hơn là cho toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong hoạt động đa phương của các thể chế khu vực, không có bóng dáng tương tự của “hài hòa quyền lực” như ở châu Âu trước kia (Concert of Europe).

Mức độ cao của tập hợp lực lượng là liên minh. Một trật tự quyền lực dễ được xác lập và duy trì hơn nếu có liên minh tương đối ổn định của các cường quốc, ví dụ như NATO ở châu Âu. Tuy nhiên, ở châu Á - Thái Bình Dương không như thế. Trong liên minh quân sự - chính trị giữa các cường quốc, chỉ có liên minh Mỹ - Nhật, Mỹ - Hàn có độ chắc chắn nhất định, còn các liên minh chính thức khác không có. Hiện có khả năng hình thành “tứ giác kim

cương” Mỹ - Nhật - Úc - Ấn Độ nhưng vẫn chưa chắc chắn và cũng chưa hẳn sẽ là liên minh quân sự - chính trị chặt chẽ. Các nước trong khu vực cố gắng tìm sự gắn bó với nhau hơn qua hình thức đối tác chiến lược nhưng rất nhiều trong số đó vừa lỏng lẻo, vừa thiếu sự tin cậy lẫn nhau, vừa có tính tình huống và nặng về hình thức. Tình trạng liên minh của các nước lớn không chắc chắn và thiếu ổn định càng làm cho thời cuộc chông chênh. Liên minh là cách thức thay đổi phân bố quyền lực nhanh cho nên tình trạng liên minh như vậy sẽ khiến sự phân bố quyền lực rất dễ biến động do sự biến động của liên minh. Không những thế, việc các cường quốc muốn lôi kéo các nước vừa và nhỏ vào khu vực ảnh hưởng của mình thông qua liên minh chính trị hay liên kết kinh tế cũng không hề dễ dàng bởi rất nhiều nước vừa và nhỏ trong khu vực lựa chọn chính sách phòng bị nước đôi hoặc cân bằng quan hệ để không phải chọn lựa đứng hẳn về bên nào. Khi buộc phải chọn lựa đứng về bên nào thì vẫn không “nhất biên đảo” hoàn toàn mà giữ thái độ chờ xem, tham gia không hết mình và vẫn có thể rút khỏi liên minh. Tình trạng liên minh “mong manh” như vậy cũng khiến phân bố quyền lực không ổn định và dễ thay đổi.

Sự phức tạp trong phân bố quyền lực khu vực tăng lên còn bởi sự đua tranh ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh tế. Kinh tế là nguồn cơ bản cho sức mạnh chính trị, sức mạnh quân sự và khoa học công nghệ. Kinh tế ngày càng trở thành lĩnh vực được coi trọng hàng đầu trong QHQT khi tất cả các nước đều ưu tiên phát triển kinh tế và tìm cách mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế. Vai trò của kinh tế ngày càng tăng khi kinh tế là công cụ thực thi quyền lực thích hợp hơn và quân sự - chính trị không còn dễ dàng sử dụng như trước kia. Ở châu Á

-Thái Bình Dương, sự đua tranh quyền lực kinh tế dường như căng thẳng hơn các khu vực khác bởi sự nổi lên của khu vực này như trung tâm lớn của nền kinh tế thế giới với sự phát triển năng động nhất từ sau Chiến tranh Lạnh. Ba nền kinh tế hàng đầu thế giới là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản đều tập trung ở khu vực này, chưa kể đến nhiều nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, “các con rồng Đông Á”,... cũng đều hiện diện mạnh mẽ ở đây. Các thế lực kinh tế lớn đều muốn có được quyền lực cấu trúc trong lĩnh vực kinh tế để từ đó có vị thế lớn hơn trong cấu trúc an ninh - chính trị. Đồng thời, khi có được quyền lực kinh tế ở châu Á - Thái Bình Dương, các thế lực này sẽ dễ dàng hơn trong việc nắm quyền lực cấu trúc kinh tế trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Điều này dẫn đến các nỗ lực xây dựng thể chế kinh tế khác nhau và chồng chéo lên nhau, các phương án lập hiệp định thương mại tự do (FTA) khác nhau mà không hiệp định nào bao gồm đủ các nước lớn trong khu vực. Ví dụ, Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) không có Mỹ, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (nay là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP) không có Trung Quốc. Trong chừng mực nào đó, đây chính là quá trình tập hợp lực lượng thông qua kinh tế, tạo vùng ảnh hưởng kinh tế để có được vùng ảnh hưởng chính trị. Bởi thế, sự đua tranh quyền lực kinh tế diễn ra trong cả thương mại và đầu tư lẫn tài chính và tiền tệ. Trong vùng ảnh hưởng của mình, các nước lớn đều cố gắng đưa ra những luật lệ và mẫu hình quan hệ riêng, điển hình là Mỹ và Trung Quốc. Ngoài ra, những đua tranh trong cấu trúc kinh tế và sự đan xen chuyển động giữa cấu trúc này với cấu trúc an ninh - chính trị càng làm

phức tạp thêm sự vận động của cấu trúc chung ở khu vực.

Cho đến nay, khó để xác định được cấu trúc quyền lực khu vực theo các mô hình lý thuyết là một cực, hai cực hay đa cực. Trên quy mô khu vực châu Á - Thái Bình Dương, không một cường quốc nào vượt trội để đóng vai trò bá chủ (một cực). Mỹ mạnh hơn cả nhưng về mặt nào đó Mỹ không phải là quốc gia châu Á một cách đầy đủ. Mỹ và Trung Quốc có ưu thế lớn hơn các quốc gia khác nhưng cũng không thể chi phối mọi vấn đề trong QHQT khu vực với tư cách hai cực. Bản thân hệ thống liên minh riêng rẽ của hai nước này trong khu vực cũng không rõ ràng khi nhiều nước trong khu vực cố gắng cân bằng quan hệ hoặc thi hành chính sách phòng bị nước đôi. Đa cực tương đối rõ hơn nếu xét về chủ thể khi khu vực có nhiều cường quốc khác như Nga, Ấn Độ, Úc. Nhưng các cường quốc hạng trung khác như Hàn Quốc, Indonesia và ngay cả ASEAN cũng đóng vai trò nhất định trong khu vực và không dễ bị chi phối. Một hình thức trung gian hay được nhắc đến là “nhất siêu, đa cường” cũng không còn chính xác. Tình trạng “vô cực” lại càng không đúng bởi thực tế nước lớn - nước nhỏ với mức độ bất tương xứng không nhỏ là phổ biến trong khu vực. Ngay việc châu Á - Thái Bình Dương gồm những cường quốc nào vẫn có ý kiến khác nhau bởi mức độ tham gia và can dự vào cấu trúc khu vực khá khác nhau giữa các cường quốc. Đó là chưa kể đến những vận động chiến lược mới của các cường quốc theo hướng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương càng làm cấu trúc ở đây khó xác định hơn.

Nguyên nhân chính của tình trạng này là do cạnh tranh quyền lực trong khu vực vẫn diễn ra phức tạp và chưa rõ kết cục. Nhìn lại lịch sử, kể từ thời kỳ Chiến tranh

Lạnh khi QHQT ở đây bắt đầu phát triển và định hình nên hệ thống khu vực, sự đua tranh quyền lực khu vực luôn diễn ra với quy mô và mức độ phức tạp. Sự phân bố quyền lực chưa ổn định nên cái gọi là “trật tự” vẫn chưa thực sự định hình rõ nét.

### **3. Tác động từ thực trạng cấu trúc khu vực tới quan hệ Việt Nam - Nhật Bản**

Sự vận động phức tạp kể trên của cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã tác động không nhỏ đến quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, cả trực tiếp và gián tiếp, được thể hiện như sau:

*Thứ nhất*, trong bối cảnh trật tự quyền lực khu vực chưa rõ ràng, các cường quốc càng dễ bị kích thích đua tranh quyền lực bởi quốc gia nào cũng muốn tranh thủ cơ hội để đạt được quyền lực cấu trúc hoặc ít nhất có thêm quyền lực để an toàn hơn trước sự biến đổi trong phân bố quyền lực khu vực. Nhìn chung, đua tranh quyền lực trong cấu trúc nào cũng có, nhưng đua tranh trong bối cảnh phân bố quyền lực chưa định hình rõ ràng sẽ phức tạp và căng thẳng hơn. Trong cấu trúc tương đối ổn định, đua tranh quyền lực có thể “nhẹ nhàng” hơn bởi những tác động ngăn trở từ cấu trúc nói chung, từ trật tự quyền lực đã ổn định nói riêng.

Đua tranh quyền lực có xu hướng tăng lên, điều này sẽ khiến Nhật Bản trở thành một bên trong đua tranh quyền lực khu vực, còn Việt Nam dễ bị lôi kéo vào cuộc đua này giữa các nước lớn. Không những thế, các nước sẽ phải san sẻ nguồn lực cho phát triển sang chạy đua vũ trang. Đồng thời, hợp tác kinh tế sẽ trở thành cách thức lôi kéo tập hợp lực lượng. Trong số này, nguy cơ Việt Nam bị lôi kéo là không nhỏ và đây có thể là nguyên nhân cấu trúc có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Tuy nhiên, do sự đua tranh này không mang tính đối đầu công khai và quyết liệt như thời kỳ

Chiến tranh Lạnh nên sự lôi kéo cũng bớt thô bạo và ít mạnh mẽ hơn, sự lôi kéo tập hợp lực lượng diễn ra “mềm hơn” thông qua con đường hợp tác kinh tế là chủ yếu.

Mặc dù vậy, hiện nay Việt Nam đang thực hiện chính sách đối ngoại cân bằng quan hệ theo hướng đa phương hóa, trong đó Nhật Bản luôn được coi là đối tác quan trọng hàng đầu. Việc Việt Nam kiên định chính sách này cùng với sự hiểu biết của Nhật Bản sẽ giúp quan hệ hai nước vẫn có thể phát triển.

*Thứ hai*, một cấu trúc chưa được định hình với sự phân bố quyền lực chưa rõ ràng ở châu Á - Thái Bình Dương sẽ khiến các phương diện khác của cấu trúc như mẫu hình quan hệ chung và các luật lệ cũng sẽ ít phổ biến và kém hiệu lực hơn. Khi mẫu hình quan hệ chung là luật lệ có sự hạn chế, tính chất vô chính phủ trong môi trường quốc tế sẽ cao hơn, chủ nghĩa dân tộc ích kỷ ít bị kiềm chế hơn. Trong bối cảnh đó, xung đột dễ bị bộc lộ và có nhiều “đất diễn” hơn. Đây là môi trường không thuận lợi cho việc phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Nói chung, quan hệ hợp tác hữu nghị bao giờ cũng dễ thực hiện hơn trong bối cảnh ổn định và ít xung đột hơn. Điều này dễ nhận thấy ở châu Á - Thái Bình Dương khi so sánh với các khu vực khác như Tây Âu, Bắc Mỹ hay Mỹ Latinh vốn thuận lợi hơn cho hợp tác nhờ sự phổ biến nhiều hơn các mẫu hình hợp tác chung và luật lệ.

Tuy nhiên, so với thời kỳ Chiến tranh Lạnh, mẫu hình quan hệ chung và luật lệ trong QHQT đã phát triển hơn nhiều cả về lượng và chất ở châu Á - Thái Bình Dương. Cấu trúc khu vực hiện nay cũng chứa đựng những mẫu hình quan hệ chung và luật lệ nhất định, ví dụ như quan hệ hợp tác, chủ nghĩa khu vực mở, chú trọng hơn tới luật pháp quốc tế,... Những điều này, nhất là xu

hướng hợp tác này vốn được bắt đầu từ sau khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997-1998 và diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh tế đã góp phần làm cho xung đột được kiềm chế hơn.

Cho dù mức độ phổ biến chưa nhiều và tính hiệu lực còn hạn chế song mẫu hình quan hệ chung và luật lệ vẫn có chỗ đứng nhất định trong QHQT khu vực. Điều đáng chú ý là cả hai nước Việt Nam và Nhật Bản đều mong muốn thúc đẩy mẫu hình quan hệ chung và luật lệ trong khu vực. Không những thế, hai nước còn chia sẻ nhiều quan điểm về vấn đề này như hợp tác, hội nhập, thượng tôn pháp luật, tự do hàng hải, phù hợp với luật pháp quốc tế,... Thực tế, giữa hai nước vẫn còn những khác biệt nhất định nhưng bù lại, hai bên đều hiểu và thông cảm cũng như không để những khác biệt này ảnh hưởng đến quan hệ hai nước.

*Thứ ba*, thực trạng cấu trúc chưa ổn định và còn nhiều đua tranh quyền lực cũng khiến QHQT ở đây phức tạp hơn, bất ổn hơn và chứa đựng nguy cơ xung đột lớn hơn. Và điều này cũng sẽ ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ Việt Nam - Nhật Bản theo nhiều cách. Trước tiên, đua tranh quyền lực sẽ tác động nhiều đến xu hướng hợp tác khu vực vốn nổi lên mạnh mẽ từ sau Chiến tranh Lạnh. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản vốn dựa nhiều vào xu hướng này nên tất nhiên cũng sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Hiện nay, cả hai nước đều tìm cách mở rộng hợp tác nhiều hơn với bên ngoài khu vực trong khi không còn chú trọng nhiều tới hợp tác Đông Á như trước kia. Chủ nghĩa khu vực Đông Á với tư cách là một động lực thúc đẩy hợp tác giữa hai nước đã không còn mạnh mẽ như trước.

Tiếp theo, cả Việt Nam và Nhật Bản đều có những tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc là thế lực đang nổi lên trong cuộc đua

tranh này. Các xung đột giữa Trung Quốc với Việt Nam và Nhật Bản dễ bị trầm trọng lên và khó giải quyết hơn. Bối cảnh đua tranh quyền lực khu vực và xung đột trực tiếp liên quan đến các cường quốc không phải là điều kiện thích hợp cho sự phát triển quan hệ hợp tác lâu dài Việt Nam - Nhật Bản. Tuy nhiên, vì cả hai nước đều quan tâm tới việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh trong khu vực nên dễ chia sẻ các quan điểm về những vấn đề khu vực. Đồng thời, cả hai nước đều đối mặt với những nguy cơ xung đột lãnh thổ giống nhau nên điều này sẽ khiến hai nước phải tham khảo và phối hợp với nhau nhiều hơn để cùng đối phó với nguy cơ bất ổn và mất an ninh trong khu vực cũng như quốc gia. Qua đó, quan hệ an ninh - chính trị Việt Nam - Nhật Bản có thêm khả năng để phát triển.

### **Kết luận**

Một môi quan hệ song phương không thể chỉ giải quyết bằng cách tiếp cận cấu trúc. Tuy nhiên, cách tiếp cận này sẽ góp phần chỉ ra những nhân tố bên ngoài đến từ cấu trúc khu vực và tác động lên quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Điểm nổi bật nhất trong sự vận động cấu trúc châu Á - Thái Bình Dương hiện nay chính là sự phân bố quyền lực chưa rõ ràng. Nguyên nhân của tình trạng này là sự đua tranh quyền lực giữa các thế lực trong vùng. Kết quả là, phân bố quyền lực vẫn đang có sự vận động với trạng thái kết cục chưa được xác định. Tình trạng này tạo ra những bất ổn, khó lường, khó dự báo với nguy cơ xung đột trong QHQT ở đây.

Một trạng thái cấu trúc như vậy không phải là nhân tố bên ngoài thuận lợi cho quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Tuy nhiên, tính tiêu cực của nhân tố này không quá sâu sắc như các thời kỳ trước. Đồng thời, nhân tố cấu trúc này cũng có những thúc đẩy nhất

định cho việc duy trì và phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản.

Cuối cùng, những sự lựa chọn chính sách phù hợp sẽ giúp quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đứng vững và tiếp tục phát triển trong sự vận động hiện nay của cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương □

#### Tài liệu tham khảo

1. Waltz, Kenneth N. (1979), *Theory of International Politics*, Addison-Wesley Publishing Compan, USA.

(tiếp theo trang 18)

- Nền KTTT hiện đại của Việt Nam là nền kinh tế được quản lý bởi Nhà nước pháp quyền XHCN, Nhà nước của nhân dân, vì nhân dân, do nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thể chế chính trị đặc biệt này không tạo ra bất cứ mâu thuẫn nào giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng bởi mục tiêu của nền KTTT hiện đại cũng phù hợp với tôn chỉ của Đảng ta là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hơn nữa thể chế chính trị này còn là một nhân tố quyết định sự ổn định cần thiết cho phát triển kinh tế có hiệu quả và bền vững, khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế thị trường tự do thuần túy. Bên cạnh đó, thể chế chính trị này cũng phát huy tinh thần tự hào dân tộc Việt, tạo thành động lực to lớn trong xây dựng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa □

#### Tài liệu tham khảo

1. Chu Văn Cáp (2016), “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường Việt Nam theo các tiêu chuẩn của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số tháng 9.

2. Hoàng Khắc Nam (2009), “Nhận thức về hệ thống quốc tế”, Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 8 (160).
3. Hoàng Khắc Nam (2014), “Một số yếu tố chủ quan góp phần thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong tương lai”, trong: Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Lịch sử, văn hóa và ngoại giao văn hóa: Sức sống của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong bối cảnh mới của quốc tế và khu vực*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

2. C. Mác - Ph. Ăngghen Toàn tập, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
3. Phạm Văn Dũng (2010), *Định hướng phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. *Hướng tới nền kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam - Lộ trình và các giải pháp hoàn thiện* - Đề tài KX.01.11/06-10 do PGS. TS. Nguyễn Văn Nam chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Công thương chủ trì, 2010.
7. *Tư duy mới về phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới* (Báo cáo tổng hợp) - Đề tài: KX.01.12/11-15 do GS.TSKH. Lương Xuân Quỳ chủ nhiệm, Trường Đại học Kinh tế quốc dân chủ trì, 2015.
8. World Bank (2012), *Knowledge Economy Index*, <https://knoema.com/WBKEI2013/knowledge-economy-index-world-bank-2012>.